

Số: 1128 /BC-SNNMT

Cà Mau, ngày 14 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp.

Thực hiện Báo cáo số 862/BC-STP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là *dự thảo Nghị quyết*), Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định và báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Nội dung giải trình và đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định

1.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Nội dung 1:

- Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại khoản 2 Điều 1: Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 thì đối tượng áp dụng của Chương trình là “*Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó có đối tượng là Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép*”; tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết không quy định đối tượng này. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung đối tượng này và nhóm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cho chặt chẽ. Đồng thời, rà soát sự cần thiết của nội dung quy định tại khoản 3 Điều này để điều chỉnh cho chặt chẽ. Trường hợp cần thiết quy định, đề nghị chuyển lên phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này và hoàn chỉnh nội dung cho chặt chẽ, trong đó bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” trước cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” cho phù hợp.

- Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Đối với nội dung “*Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung đối tượng này và nhóm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cho chặt chẽ*”.

Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu một phần và giải trình, như sau:

Về đối tượng “Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận...”: Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định đối tượng của Chương trình bố trí dân cư, trong đó có cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết không quy định toàn bộ cơ chế, chính sách của Chương trình mà chỉ tập trung quy định cụ thể về mức hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng di dời theo thẩm quyền được giao tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT, gồm: hỗ trợ nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt khi di dời đến nơi mới. Đối với cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép, Quyết định số 590/QĐ-TTg và Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các mức hỗ trợ nêu trên, đồng thời dự thảo Nghị quyết cũng không quy định chính sách hỗ trợ áp dụng đối với đối tượng này. Do đó, việc không quy định đối tượng cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận tại khoản 2 Điều 1 là phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, bảo đảm thống nhất giữa đối tượng áp dụng và nội dung hỗ trợ được quy định tại Điều 3, tránh gây hiểu lầm về đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết. Cơ quan soạn thảo đã rà soát, xin phép không bổ sung nhóm đối tượng này.

Về nhóm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan: Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, để đảm bảo tính bao quát và chặt chẽ, cơ quan soạn thảo đã rà soát và bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, như sau:

“đ) Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này”.

Nội dung bổ sung phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT, cụ thể:

+ Đối với nội dung *“Rà soát sự cần thiết của nội dung quy định tại khoản 3 Điều này để điều chỉnh cho chặt chẽ. Trường hợp cần thiết quy định, đề nghị chuyển lên phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này và hoàn chỉnh nội dung cho chặt chẽ, trong đó bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” trước cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” cho phù hợp”.*

Cơ quan soạn thảo đề xuất giữ nguyên và xin giải trình như sau: Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã xác định rõ phạm vi, đối tượng của Chương trình bố trí dân cư không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Do đó, việc đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết là hoàn toàn phù hợp với quy định của Thủ tướng Chính phủ. Thêm vào đó, trong giai đoạn 2026 - 2030, các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thống nhất theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Vì vậy, việc giữ nguyên khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết nhằm quy định rõ cả phạm vi và đối tượng là rất cần thiết để tránh trùng lặp, chồng chéo đối tượng thụ hưởng, đồng thời tạo thuận lợi cho việc tổ

chức thực hiện, quản lý và bố trí nguồn lực. Do khoản 1 chỉ quy định về phạm vi điều chỉnh, việc giữ nguyên khoản 3 như dự thảo Nghị quyết sẽ bảo đảm tính mạch lạc và chặt chẽ trong phân định đối tượng áp dụng. Vì các lý do trên, cơ quan soạn thảo kính đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.

Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu bổ sung cụm từ “*Bộ trưởng*” trước cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

b) Nội dung 2:

- ***Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:*** Tại khoản 1 Điều 2, đề nghị thay cụm từ “thực hiện” bằng cụm từ “hỗ trợ” cho thống nhất với tên Điều; tại khoản 2 Điều 3, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc viện dẫn văn bản để hoàn chỉnh cho phù hợp; tại Điều 4, đề nghị rà soát hoàn chỉnh nội dung cho thống nhất với tên Điều này. Đồng thời, bỏ cụm từ “trên địa bàn”, vì không cần thiết.

- ***Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:*** Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

c) Nội dung 3:

- ***Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:*** Tại Điều 6, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở quy định “trước ngày 01 tháng 01 năm 2026” để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đồng thời, thay cụm từ “hướng chính sách” bằng cụm từ “hỗ trợ” cho thống nhất với nội dung của văn bản; bỏ cụm từ “khi có hiệu lực thi hành”, vì không cần thiết.

- ***Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:***

Đối với nội dung “Làm rõ cơ sở quy định “trước ngày 01 tháng 01 năm 2026” để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định”:

+ Thứ nhất, ngày 01 tháng 01 năm 2026 là thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2026 – 2030 theo định hướng của Trung ương và là thời điểm chuyển tiếp giữa giai đoạn thực hiện chính sách trước đây với giai đoạn thực hiện chính sách mới của tỉnh. Do đó, việc xác định mốc thời gian này nhằm phân định rõ phạm vi áp dụng giữa các chính sách của giai đoạn trước và chính sách quy định tại Nghị quyết này.

+ Thứ hai, trên thực tế, còn có một số hộ gia đình, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí nền tái định cư trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 nhưng đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực vẫn chưa được nhận hỗ trợ chính sách do phụ thuộc vào bố trí nguồn vốn hoặc thực hiện các thủ tục theo quy định. Đây là các trường hợp đã được xác lập quyền được bố trí tái định cư trước thời điểm thực hiện Chương trình giai đoạn 2026–2030, tuy nhiên việc hỗ trợ chính sách chưa được thực hiện.

+ Thứ ba, việc quy định điều khoản chuyển tiếp nêu trên nhằm bảo đảm tính liên tục của chính sách, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý và bảo đảm công bằng giữa các đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bố trí tái định cư nhưng khác nhau về thời điểm chi

trả hỗ trợ, không làm phát sinh thêm đối tượng thụ hưởng mới mà chỉ giải quyết đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình giai đoạn 2026–2030.

Quy định này không có tính chất hồi tố để mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách mà chỉ bảo đảm giải quyết đối với các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bố trí dân cư trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 nhưng chưa được thực hiện hỗ trợ chính sách.

Đối với nội dung “Thay cụm từ “hưởng chính sách” bằng cụm từ “hỗ trợ” cho thống nhất với nội dung của văn bản; bỏ cụm từ “khi có hiệu lực thi hành”, vì không cần thiết”: Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

d) Nội dung 4:

- ***Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:*** Tại Điều 7: Khoản 1 thay cụm từ “theo quy định của pháp luật” bằng từ “này” cho rõ; khoản 3: Không cần thiết quy định nội dung này.

- ***Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:*** Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

đ) Nội dung 5:

- ***Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:***

Về kỹ thuật viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP “Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung.

Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản”.

- ***Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:*** Cơ quan soạn thảo xin tiếp thu và đã rà soát, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

e) Nội dung 6:

- ***Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:*** Đối với việc tham mưu quy định mức hỗ trợ về nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt theo điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ cơ sở xây dựng nội dung quy định này (lưu ý: giải trình, làm rõ ý kiến góp ý của

các cơ quan, đơn vị đối với mức hỗ trợ này) đề trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Nội dung giải trình, làm rõ của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Thứ nhất, về cơ sở pháp lý

Điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ về nhà ở, khai hoang (nếu có), lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư, nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Thứ hai, về cơ sở xác định từng mức hỗ trợ

Đối với hỗ trợ nhà ở (hỗ trợ chi phí xây dựng mới nhà ở tại nơi tái định cư 80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân):

Đối với mức hỗ trợ nhà ở 80.000.000 đồng/hộ: Mức hỗ trợ này được xây dựng trên cơ sở phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh và hướng dẫn của cơ quan Trung ương. Cụ thể, mức hỗ trợ được tham khảo từ chủ trương hỗ trợ xây dựng 1.000 căn nhà cho các đối tượng gặp khó khăn về nhà ở năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Thông báo số 713-TB/TU ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Thường trực Tỉnh ủy; đồng thời bảo đảm phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư tại khoản 1 Công văn số 4496/BNMT-KTHT ngày 07 tháng 5 năm 2026.

Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tham khảo mức hỗ trợ nhà ở được quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (trước khi hợp nhất tỉnh). Việc đề xuất mức hỗ trợ 80.000.000 đồng/hộ nhằm tạo điều kiện để các hộ dân thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách có đủ nguồn lực xây dựng nhà ở kiên cố, ổn định cuộc sống tại nơi ở mới; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, mức hỗ trợ này bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và công bằng giữa các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, mặt bằng chi phí xây dựng thực tế tại địa phương và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Đối với hỗ trợ lương thực (600.000 đồng/người/tháng trong 12 tháng đầu tại nơi tái định cư):

Tiếp tục kế thừa mức hỗ trợ lương thực tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 – 2025 (30kg/người/tháng trong thời gian 12 tháng đầu tại nơi tái định cư). Việc quy đổi

từ định mức 30 kg gạo/người/tháng sang mức hỗ trợ bằng tiền nhằm tạo thuận lợi trong công tác lập dự toán, phân bổ kinh phí, thanh quyết toán và tổ chức thực hiện; đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong việc hỗ trợ người dân theo nhu cầu thực tế, hạn chế phát sinh chi phí mua sắm, bảo quản và cấp phát hiện vật; thực hiện theo ý kiến đóng góp của Sở Tài chính đối với dự thảo Nghị quyết tại Công văn số 5910/STC-HCSN ngày 05 tháng 6 năm 2026.

Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt (mỗi người 04m³/tháng, nhưng không quá 12 tháng theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ):

Kế thừa mức hỗ trợ về nước sinh hoạt tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (trước hợp nhất) quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn dùng nước cho mục đích sinh hoạt tại đô thị loại V, điểm dân cư nông thôn quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13606:2023 về Cấp nước – Mạng lưới đường ống và Công trình yêu cầu thiết kế. Tuy nhiên, do mức quy định giá nước sinh hoạt ở tỉnh Cà Mau (trước hợp nhất) và tỉnh Bạc Liêu (trước hợp nhất) khác nhau và đến thời điểm hiện nay chưa quy định mức giá chung cho tỉnh Cà Mau (sau hợp nhất) nên cơ quan soạn thảo không quy đổi thành mức giá cụ thể.

Việc tiếp tục quy định theo định mức sử dụng nước thay vì quy đổi thành tiền còn bảo đảm phù hợp trong trường hợp cơ quan nhà nước điều chỉnh giá nước sinh hoạt theo quy định, tránh phải sửa đổi Nghị quyết khi mức giá nước thay đổi.

Đối với giải trình, làm rõ ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đối với mức hỗ trợ: Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã lấy ý kiến phản biện và góp ý Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan. Đa số các đơn vị có ý kiến thống nhất với mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết; một số ý kiến đề nghị nghiên cứu bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham khảo chính sách đang áp dụng ở các địa phương khác. Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo theo hướng bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu hỗ trợ người dân, điều kiện thực tế của địa phương, khả năng cân đối nguồn lực ngân sách và chính sách đã áp dụng thực tế tại địa phương thời gian qua.

1.2. Đối với thành phần hồ sơ

- Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Đối với Bản so sánh, thuyết minh: Theo Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo giải trình là do Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ban hành trước khi Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT có hiệu lực thi hành; tuy nhiên, khi quyết định việc tiếp tục áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đơn vị đã đề xuất tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu cũ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (so sánh dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND).

- Nội dung tiếp thu của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cơ quan soạn thảo thống nhất tiếp thu và đã rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh tại Bản so sánh, thuyết minh.

2. Nội dung không tiếp thu ý kiến thẩm định, còn có những ý kiến khác:
Không có.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 – 2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp theo quy định (*Kèm theo Báo cáo này gồm: Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; dự thảo Nghị quyết đã được hoàn chỉnh sau tiếp thu; Bản so sánh, thuyết minh và các tài liệu có liên quan*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở NN&MT (*để biết*);
- Phòng Pháp chế Sở (*để biết*);
- Chi cục KTHT và PTNT (*theo dõi*);
- Lưu: VT, KTHT_(Tuan).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Tứ Hải